TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 11-Phòng Đầu tư, Môi trường

Tháng 4 năm 2022

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương 100%		Giờ PN	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ							Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương				BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư	Tiền ăn DV			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**63**		**43.200.000**	**6**	**2.440.462**		**480.000**	**46.120.462**	**2.576.600**	**483.200**	**322.200**	**419.500**	**165.000**			**3.966.500**	**42.153.962**	
1	HL-00081	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng phòng	11.446.000	21	A	16.013.090	2	880.462			16.893.552	915.700	171.700	114.500	149.000	55.000			1.405.900	15.487.652	
2	HL-00469	Phạm Văn Đại	Phó phòng	10.483.000	21	A	13.593.455	2	806.385		480.000	14.879.840	877.100	164.500	109.700	137.300	55.000			1.343.600	13.536.240	
3	HL-00155	Vũ Văn Quyết	Phó phòng	9.797.000	21	A	13.593.455	2	753.615			14.347.070	783.800	147.000	98.000	133.200	55.000			1.217.000	13.130.070	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**165**		**73.920.000**	**16**	**3.726.156**	**84.641**		**77.730.798**	**3.875.800**	**727.000**	**484.600**	**726.500**	**440.000**	**212.000**	**442.000**	**6.907.900**	**70.822.898**	
4	HL-01941	Vũ Quang Đức	Chuyên viên	6.818.000	19	A	8.576.977	2	524.462			9.101.439	545.500	102.300	68.200	83.900	55.000			854.900	8.246.539	
5	HL-00095	Nguyễn Văn Thành	Chuyên viên	6.184.000	21	A	9.479.817	2	475.692			9.955.509	494.800	92.800	61.900	93.100	55.000			797.600	9.157.909	
6	HL-07075	Phạm Thanh Tùng	Chuyên viên	5.609.000	21	A	9.479.817	2	431.462			9.911.279	448.800	84.200	56.100	93.200	55.000	212.000	442.000	1.391.300	8.519.979	
7	HL-00709	Lã Tuấn Anh	Chuyên viên	6.184.000	16	A	7.222.718	2	475.692			7.698.410	494.800	92.800	61.900	70.500	55.000			775.000	6.923.410	
8	HL-02217	Nguyễn Văn Hậu	Chuyên viên	5.609.000	25	A	10.721.221	2	431.462			11.152.683	448.800	84.200	56.100	105.600	55.000			749.700	10.402.983	
9	HL-04798	Nguyễn Quang Danh	Chuyên viên	5.609.000	21	A	9.479.817	2	431.462			9.911.279	448.800	84.200	56.100	93.200	55.000			737.300	9.173.979	
10	HL-00165	Phạm Trường Huy	Chuyên viên	6.818.000	21	A	9.479.817	2	524.462			10.004.279	545.500	102.300	68.200	92.900	55.000			863.900	9.140.379	
11	HL-01231	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	Chuyên viên	5.609.000	21	A	9.479.817	2	431.462	84.641		9.995.920	448.800	84.200	56.100	94.100	55.000			738.200	9.257.720	
Tổng cộng					**228**		**117.120.000**	**22**	**6.166.618**	**84.641**	**480.000**	**123.851.260**	**6.452.400**	**1.210.200**	**806.800**	**1.146.000**	**605.000**	**212.000**	**442.000**	**10.874.400**	**112.976.860**	

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 5 năm 2022

LẬP BIỂU	PHÒNG TCNS	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**